

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Hào

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/10/2023). Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Văn Đ có mối quan hệ là bạn bè thân thiết. Ngày 11/3/2023, ông Đ hỏi vay của ông H số tiền 260.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất thỏa thuận. Khi vay ông Đ có viết biên nhận đề ngày

11/3/2023 và hẹn vào ngày 30/3/2023 sẽ trả gốc và lãi. Đến hạn, ông H đòi nhiều lần nhưng ông Đ né tránh không thanh toán nợ. Do đó, ông H đã khởi kiện ông Đ đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng yêu cầu ông Đ trả cho ông tổng số tiền 272.000.000 đồng bao gồm 260.000.000 đồng nợ gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi tính theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày vay đến ngày có đơn khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Kim T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ trả cho ông H tiền vốn vay là 260.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra, bà T còn trình bày trong quá trình từ khi vay tiền đến nay, ông Đ có trả cho ông H được 40.000.000 đồng nên nay chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Thanh H1 tiền vốn là 220.000.000 đồng. Không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt, không thể hiện ý kiến trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do trong những lần Tòa án triệu tập.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2023 ông Nguyễn Thanh H yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả tổng số tiền vay là 260.000.000 đồng và lãi với số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 16/01/2024 và tại phiên tòa, bà T đại diện theo ủy quyền của ông H đã thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông Đ trả cho ông H số tiền gốc 220.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự và trong phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ vay gốc số tiền 220.000.000 đồng: Mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời ông Đ không thể hiện ý kiến cũng như không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của ông trong vụ việc ông H khởi kiện. Theo lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy biên nhận thể hiện nội dung vào ngày 11/3/2023 ông Đ có mượn ông H số tiền 260.000.000 đồng, hẹn đến 30/3/2023 sẽ trả đầy đủ. Trong giấy biên nhận trên cũng thể hiện chữ ký và họ tên ông Đ. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn trình bày ông Đ đã trả cho nguyên đơn được 40.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền vay gốc là 220.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về lãi suất: Căn cứ biên nhận thể hiện việc cho vay không thỏa thuận lãi và nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Từ phân tích trên căn cứ Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 220.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú tại ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[3.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy xác nhận nợ lập ngày 11/3/2023 có chữ ký, chữ viết của bị đơn có nội dung: “Tôi Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 14/7/1989, cư trú ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An, số CCCD: 080089008589, hôm nay ngày 11/3/2023 tôi có mượn Nguyễn Thanh H ấp 3, T, B, Long An số tiền 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Ngày trả 30/3/2023 sẽ trả đầy đủ số tiền đã mượn”. Do đó có cơ sở xác định bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có vay của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H số tiền 260.000.000 đồng vào ngày 11/3/2023 là sự thật. Thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là ngày 30/3/2023, nhưng đến nay phía bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ đã vay là có căn cứ.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Kim T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền vốn vay 220.000.000 đồng (vì cho rằng bị đơn đã trả được 40.000.000 đồng) và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Xét thấy phạm

vi và nội dung ủy quyền giữa ông Nguyễn Thanh H với bà Nguyễn Kim T tại giấy ủy quyền lập ngày 25/10/2023 có thể hiện nội dung: Bà T thay mặt ông H tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do đó, việc bà T đại diện ông H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là trong phạm vi nội dung được ủy quyền và là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và trong phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Do trong biên nhận vay tiền các bên không thể hiện có thỏa thuận về tiền lãi và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tiền lãi nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0004197 ngày 06/10/2023.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh